

No.	Meaning	Word
1	chữ ký	
2	niềm tin	
3	gian hàng	
4	chuối	
5	đặc điểm, đặc tính	
6	sự khó hiểu, hỗn độn, rối rắm	
7	trang phục	
8	ẩm thực	
9	phong tục	
10	món ăn	
11	yếu tố	
12	đặc điểm	
13	bản sắc, đặc điểm nhận dạng	
14	lối sống	
15	sự phổ biến, thông dụng	
16	sự tôn trọng	
17	nguồn gốc	
18	việc bán hàng	
19	quà lưu niệm	
20	khẩu vị	
21	tiền boa	
22	thông báo	
23	thường thức, trân trọng	